

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN HUỆ

KẾT QUẢ THI TUYỂN BỔ SUNG VÀO LỚP 11 CHUYÊN

ĐẦU NĂM HỌC 2026-2027

Ngày thi: 11 tháng 8 năm 2026

TT	Số báo danh	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG THPT (Nơi đi)	MÔN ĐĂNG KÝ DỰ THI	Điểm
1	A01	Nguyễn Minh An	11/09/2010	11	Lê Quý Đôn-Hà Đông	Tiếng Anh	3,5
2	A02	Đào Châu Anh	28/12/2010	11	Phan Huy Chú-Đống Đa	Tiếng Anh	2,6
3	A03	Nguyễn Châu Anh	08/05/2010	11	chuyên Sư phạm	Tiếng Anh	4,5
4	A04	Nguyễn Quỳnh Anh	31/10/2010	11	Lê Quý Đôn-Hà Đông	Tiếng Anh	5,3
5	A05	Phùng Gia Bảo	06/11/2010	11	Lê Quý Đôn-Hà Đông	Tiếng Anh	3,6
6	A06	Trịnh Gia Bảo	01/06/2010	11	Nhân Chính	Tiếng Anh	2,5
7	A07	Mai Quỳnh Bảo Châu	31/08/2010	11	THCS và THPT Edison	Tiếng Anh	3,5
8	A08	Lê Vũ Khánh Chi	06/09/2010	11	Mỹ Đình	Tiếng Anh	6,3
9	A09	Nguyễn Hà Chi	18/01/2010	11	Nhân Chính	Tiếng Anh	4,6
10	A10	Vũ Trí Cường	07/03/2010	11	Marie Curie Hà Đông	Tiếng Anh	5,5
11	A11	Trần Anh Dũng	15/08/2010	11	Khuong Đình	Tiếng Anh	5,5
12	A12	Nguyễn Viết Dương	05/08/2010	11	chuyên Sơn Tây	Tiếng Anh	8,4
13	A13	Nguyễn Hồng Lam Giang	12/08/2010	11	Yên Hòa	Tiếng Anh	4,6
14	A14	Nguyễn Ngọc Mai Hà	05/10/2010	11	Nguyễn Trãi-Ba Đình	Tiếng Anh	2,5
15	A15	Nguyễn Trần Ngọc Hân	31/12/2010	11	chuyên Sơn Tây	Tiếng Anh	5,0
16	A16	Trần Quốc Hào	25/02/2010	11	Trần Hưng Đạo-Hà Đông	Tiếng Anh	8,6
17	A17	Đỗ Gia Hiền	08/02/2010	11	Kim Liên	Tiếng Anh	5,5
18	A18	Ngô Minh Hương	06/01/2010	11	Nhân Chính	Tiếng Anh	5,6
19	A19	Đoàn Lâm Bảo Khanh	05/10/2010	11	Phan Đình Phùng	Tiếng Anh	5,3
20	A20	Lê Tấn Kiệt	05/04/2010	11	Nguyễn Tất Thành	Tiếng Anh	5,5
21	A21	Mai Tuấn Kiệt	26/04/2010	11	Lê Quý Đôn-Hà Đông	Tiếng Anh	7,5
22	A22	Nguyễn Tường Lam	18/03/2010	11	Chương Mỹ A	Tiếng Anh	5,1
23	A23	Phạm Vũ Tùng Lâm	09/11/2010	11	Khoa học Giáo dục	Tiếng Anh	7,9
24	A24	Phạm Ngọc Linh	01/08/2010	11	chuyên Sơn Tây	Tiếng Anh	7,4
25	A25	Trần Nguyễn Phương Linh	13/08/2010	11	Quốc tế Nhật Bản	Tiếng Anh	8,2
26	A26	Trịnh Lê Thảo Linh	08/04/2010	11	THCS và THPT Lương Thế Vinh	Tiếng Anh	1,0
27	A27	Nguyễn Minh Nhật Ly	20/03/2010	11	Thăng Long	Tiếng Anh	3,0
28	A28	Nguyễn Hoàng Mai	07/06/2010	11	chuyên Sơn Tây	Tiếng Anh	7,9
29	A29	Phạm Thị Ngọc Mai	19/06/2010	11	Nguyễn Du-Thanh Oai	Tiếng Anh	2,0
30	A30	Nguyễn Ngọc Bình Minh	21/04/2010	11	Marie Curie Hà Đông	Tiếng Anh	3,0
31	A31	Nguyễn Quang Minh	14/11/2010	11	THCS và THPT Lương Thế Vinh	Tiếng Anh	7,8
32	A32	Đỗ Hà My	10/04/2010	11	Xuân Phương	Tiếng Anh	3,5
33	A33	Vũ Huệ Trà My	26/11/2010	11	Trần Hưng Đạo-Hà Đông	Tiếng Anh	6,2
34	A34	Hoàng Hải Nam	06/10/2010	11	Quang Trung-Hà Đông	Tiếng Anh	2,5
35	A35	Đinh Bảo Ngọc	14/06/2010	11	chuyên Sơn Tây	Tiếng Anh	4,4
36	A36	Nguyễn Cao Khánh Ngọc	21/06/2010	11	Trần Hưng Đạo-Hà Đông	Tiếng Anh	5,5

	Số báo danh	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG THPT (Nơi đi)	MÔN ĐĂNG KÝ DỰ THI	Điểm
37	A37	Dương Yến Như	28/01/2010	11	Phan Huy Chú-Đồng Đa	Tiếng Anh	6,5
38	A38	Đặng Xuân Phú	18/10/2010	11	HAS	Tiếng Anh	7,9
39	A39	Đỗ Mạnh Phú	18/07/2010	11	Quang Trung-Hà Đông	Tiếng Anh	5,5
40	A40	Nguyễn Diệp Phương	03/06/2010	11	Tây Hồ	Tiếng Anh	5,4
41	A41	Trương Bảo Quốc	02/09/2010	11	chuyên Sơn Tây	Tiếng Anh	4,2
42	A42	Đặng Phú Sang	23/10/2010	11	Phan Bội Châu	Tiếng Anh	3,5
43	A43	Đinh Trần Hoàng Sơn	08/01/2010	11	Newton	Tiếng Anh	3,0
44	A44	Nguyễn Hữu Lâm Sơn	10/07/2010	11	Yên Hòa	Tiếng Anh	5,6
45	A45	Vũ Việt Sơn	19/07/2010	11	Khoa học Giáo dục	Tiếng Anh	5,2
46	A46	Nguyễn Gia Thành	03/10/2010	11	HAS	Tiếng Anh	4,5
47	A47	Vũ Trí Thành	30/03/2010	11	THCS và THPT Nguyễn Siêu	Tiếng Anh	4,5
48	A48	Vũ Thanh Thảo	30/01/2010	11	Lê Quý Đôn-Hà Đông	Tiếng Anh	5,2
49	A49	Phạm Thị Minh Thu	27/09/2010	11	Nhân Chính	Tiếng Anh	4,3
50	A50	Hán Nhật Minh Thư	28/01/2010	11	chuyên Sơn Tây	Tiếng Anh	6,0
51	A51	Thái Đan Thư	21/10/2010	11	Nhân Chính	Tiếng Anh	5,5
52	A52	Trần Nguyễn Anh Thư	03/06/2010	11	Việt Nam-Ba Lan	Tiếng Anh	4,0
53	A53	Nguyễn Hà Trang	04/06/2010	11	Lê Quý Đôn-Hà Đông	Tiếng Anh	4,0
54	A54	Nguyễn Ngọc Minh Trí	20/11/2010	11	Chương Mỹ A	Tiếng Anh	2,5
55	A55	Nguyễn Minh Tuấn	22/10/2010	11	Kim Liên	Tiếng Anh	5,5
56	Đ01	Đào Nguyễn Gia Bảo	05/03/2010	11	Lê Quý Đôn-Hà Đông	Địa lý	7,75
57	Đ02	Đinh Ngọc Bảo Châu	27/09/2010	11	chuyên Sơn Tây	Địa lý	7,5
58	Đ03	Nguyễn Bách Bảo Châu	18/11/2010	11	Vạn Xuân-Hoài Đức	Địa lý	5,0
59	Đ04	Nguyễn Quốc Cường	26/07/2010	11	chuyên Sơn Tây	Địa lý	3,0
60	Đ05	Vũ Hoàng Giang	15/03/2010	11	Lý Thái Tổ	Địa lý	2,25
61	Đ06	Bùi Ngọc Hiếu	24/02/2010	11	THCS và THPT Khương Hạ	Địa lý	1,5
62	Đ07	Lê Đăng Lâm	14/12/2010	11	chuyên Sơn Tây	Địa lý	3,5
63	Đ08	Ngô Ngọc Bảo Linh	14/10/2010	11	Mỹ Đình	Địa lý	2,0
64	Đ09	Phạm Ngọc Khánh Linh	25/03/2010	11	Xuân Phương	Địa lý	2,0
65	Đ10	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	26/10/2010	11	Thọ Xuân	Địa lý	1,0
66	Đ11	Nguyễn Văn Nhật	01/05/2010	11	Khoa học xã hội và nhân văn	Địa lý	4,25
67	Đ12	Lê Thục Quyên	02/09/2010	11	chuyên Sơn Tây	Địa lý	7,5
68	Đ13	Đinh Vũ Minh Thành	07/10/2009	11	chuyên Sơn Tây	Địa lý	2,25
69	Đ14	Nguyễn Trung Thành	04/11/2010	11	chuyên Sơn Tây	Địa lý	7,25
70	Đ15	Nguyễn Bảo Trang	11/10/2010	11	Lý Thường Kiệt	Địa lý	2,75
71	Đ16	Nguyễn Huy Tuấn	12/10/2010	11	Nguyễn Trãi-Ba Đình	Địa lý	2,25
72	T01	Phạm Duy An	16/02/2010	11	THCS và THPT Lương Thế Vinh	Toán	3,0
73	T02	Nguyễn Đức Anh	04/03/2010	11	THCS và THPT Lương Thế Vinh	Toán	3,5
74	T03	Nguyễn Hữu Hoàng Anh	26/03/2010	11	Thanh Oai B	Toán	1,0
75	T04	Trần Anh Đức	23/10/2010	11	Trung Văn	Toán	3,25
76	T05	Lê Đỗ Việt Hà	16/02/2010	11	Trần Hưng Đạo-Hà Đông	Toán	8,5
77	T06	Hứa Đức Hải	25/01/2010	11	Cầu Giấy	Toán	0,5

	Số báo danh	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG THPT (Nơi đi)	MÔN ĐĂNG KÝ DỰ THI	Điểm
78	T07	Lê Viết Hải	12/08/2010	11	chuyên Sơn Tây	Toán	8,75
79	T08	Phạm Chí Hiếu	16/02/2010	11	Việt Nam-Ba Lan	Toán	7,0
80	T09	Ngô Vũ Hưng	10/10/2010	11	Đoàn Thị Điểm	Toán	4,5
81	T10	Nguyễn Nam Khánh	29/10/2010	11	Kim Liên	Toán	2,5
82	T11	Trần Danh Khánh	18/02/2010	11	Phan Đình Phùng	Toán	4,75
83	T12	Nguyễn Bá Linh	21/05/2010	11	chuyên Sơn Tây	Toán	8,25
84	T13	Trần Bảo Long	03/09/2010	11	Cầu Giấy	Toán	3,5
85	T14	Chu Gia Minh	22/01/2010	11	chuyên Sơn Tây	Toán	0,5
86	T15	Lương Nguyễn Nhật Minh	15/11/2010	11	Ban Mai	Toán	8,75
87	T16	Nguyễn Phạm Tuấn Minh	18/02/2010	11	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành	Toán	3,25
88	T17	Nông Nguyễn Nam Phong	26/08/2010	11	Việt Đức	Toán	3,25
89	T18	Bùi Xuân Phúc	08/10/2010	11	Chương Mỹ A	Toán	4,25
90	T19	Hoàng Anh Quân	20/04/2010	11	Phạm Hồng Thái	Toán	8,25
91	T20	Nguyễn Phương Thảo	19/11/2010	11	Lê Quý Đôn-Đống Đa	Toán	2,75
92	T21	Nguyễn Thị Thanh Thảo	03/02/2010	11	Trần Hưng Đạo-Hà Đông	Toán	2,25
93	T22	Tạ Huy Minh Trí	30/03/2010	11	Trần Hưng Đạo-Hà Đông	Toán	0,25
94	V01	Nguyễn Khánh An	16/02/2010	11	Hoài Đức A	Ngữ văn	6,25
95	V02	Bùi Hải Anh	02/08/2010	11	Hoài Đức C	Ngữ văn	4,0
96	V03	Lê Ngọc Bảo Anh	31/08/2010	11	Thanh Oai A	Ngữ văn	6,25
97	V04	Lê Ngọc Diệp Anh	27/09/2010	11	Trung Văn	Ngữ văn	4,0
98	V05	Nguyễn Diệu Anh	16/04/2010	11	Olympia	Ngữ văn	4,5
99	V06	Nguyễn Mai Anh	12/05/2010	11	Lê Quý Đôn-Hà Đông	Ngữ văn	5,0
100	V07	Nguyễn Minh Châu Anh	06/11/2010	11	Lê Quý Đôn-Đống Đa	Ngữ văn	5,5
101	V08	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	03/08/2010	11	Nguyễn Trãi-Thường Tín	Ngữ văn	5,0
102	V09	Phạm Trần Quỳnh Anh	09/01/2010	11	Phan Đình Phùng	Ngữ văn	4,5
103	V10	Nguyễn Thế Bảo	04/06/2010	11	Thăng Long	Ngữ văn	7,5
104	V11	Lê Bảo Châu	30/09/2010	11	chuyên Sơn Tây	Ngữ văn	7,25
105	V12	Lê Minh Châu	13/06/2010	11	Khuong Đình	Ngữ văn	4,0
106	V13	Trần Khánh Chi	02/01/2010	11	Nhân Chính	Ngữ văn	6,0
107	V14	Nguyễn Hương Giang	08/02/2010	11	THCS và THPT Lương Thế Vinh	Ngữ văn	4,0
108	V15	Trần Ngọc Hà	31/08/2010	11	THCS và THPT Lương Thế Vinh	Ngữ văn	5,75
109	V16	Nguyễn Minh Hằng	19/09/2010	11	Khoa học Giáo dục	Ngữ văn	4,0
110	V17	Lê Thanh Hiền	20/02/2010	11	Phan Huy Chú-Đống Đa	Ngữ văn	4,5
111	V18	Nguyễn Mai Hương	09/01/2010	11	Mê Linh	Ngữ văn	6,0
112	V19	Đinh Khánh Huyền	07/12/2010	11	chuyên Sơn Tây	Ngữ văn	7,25
113	V20	Đặng Phương Linh	30/06/2010	11	Trần Phú-Hoàn Kiếm	Ngữ văn	6,5
114	V21	Đỗ Gia Linh	13/12/2010	11	Phan Huy Chú-Đống Đa	Ngữ văn	6,0
115	V22	Lê Huyền Linh	25/11/2010	11	Nguyễn Bình Khiêm-Cầu Giấy	Ngữ văn	4,5
116	V23	Mai Khánh Linh	05/03/2010	11	Trần Hưng Đạo-Hà Đông	Ngữ văn	5,75
117	V24	Nguyễn Khánh Linh	15/09/2010	11	Chương Mỹ A	Ngữ văn	6,0
118	V25	Nguyễn Thị Ngọc Mai	21/11/2010	11	Cao Bá Quát-Gia Lâm	Ngữ văn	5,0

	Số báo danh	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG THPT (Nơi đi)	MÔN ĐĂNG KÝ DỰ THI	Điểm
119	V26	Phạm Ngọc Minh	28/02/2010	11	Lê Quý Đôn-Hà Đông	Ngữ văn	7,5
120	V27	Nguyễn Khánh My	17/09/2010	11	Nhân Chính	Ngữ văn	4,5
121	V28	Đỗ Minh Ngọc	24/01/2010	11	Lê Quý Đôn-Hà Đông	Ngữ văn	4,75
122	V29	Đặng Nam Sơn	20/03/2010	11	Nguyễn Văn Cừ	Ngữ văn	5,0
123	V30	Trần Ngọc Tâm	17/01/2010	11	Cổ Loa	Ngữ văn	5,0
124	V31	Vũ Phương Thảo	03/03/2010	11	Minh Trí	Ngữ văn	5,75
125	V32	Nguyễn Ngọc Thiện	13/07/2010	11	Xuân Phương	Ngữ văn	6,25
126	V33	Đào Uyên Thư	05/01/2010	11	Đoàn Thị Điểm	Ngữ văn	4,5
127	V34	Nguyễn Trần Minh Thư	15/07/2010	11	Yên Hòa	Ngữ văn	6,0
128	V35	Nguyễn Thị Kiều Trang	12/06/2010	11	Mê Linh	Ngữ văn	5,0
129	V36	Đỗ Kiều Trinh	22/04/2010	11	Việt Nam-Ba Lan	Ngữ văn	5,5
130	V37	Nguyễn Kiều Trinh	28/06/2010	11	Cầu Giấy	Ngữ văn	5,5
131	V38	Phạm Tường Vy	17/02/2010	11	Khoa học Giáo dục	Ngữ văn	4,0
132	V39	Nguyễn Thị Hải Yến	25/03/2010	11	Mỹ Đình	Ngữ văn	6,0

Danh sách có 132 thí sinh./.

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2026

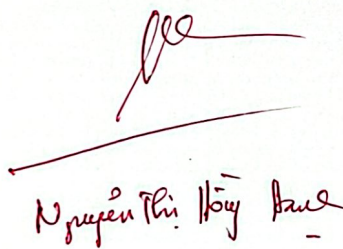
Người lập

Phòng
Kiểm tra chuyên ngành

Hiệu trưởng



Lương Quỳnh Lan


Nguyễn Thị Hồng Huệ



Lương Quỳnh Lan